TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN HÒN Đ** TỈNH KIÊN G	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 31/2019/DS-ST
Ngày: 27 - 6 - 2019
V/v tranh chấp hợp đồng đặt cọc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HÒN Đ - TỈNH KIÊN G

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Tuyết Mai

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Vũ Thị Lan

2. Ông Nguyễn Văn Đoạt

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thành Minh- Thư ký Tòa án nhân dân huyện Hòn Đ.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hòn Đ tham gia phiên toà: Ông Nguyễn Minh Hậu- Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 6 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Hòn Đ xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 58/2019/TLST-DS ngày 07 tháng 3 năm 2019 về tranh chấp hợp đồng đặt cọc theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 46/2019/QĐXXST-DS ngày 03 tháng 6 năm 2019 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* **Công ty Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên Chế biến nông sản Duy A**.

Địa chỉ: Tổ 10, khu vực Long Thạnh II, phường Thốt Nốt, quận Thốt N, thành phố Cần T.

Người đại diện theo pháp luật: Bà Nguyễn Thị Bích G1, sinh năm 1962. Chức danh: Giám đốc công ty.

Người đại diện theo ủy quyền: Bà **Lê Ngọc Anh**, sinh năm 1984 (có mặt).

Địa chỉ: Số 77, khu dân cư Điện Lực, phường Hưng Phú, quận Cái R, thành phố Cần T (theo văn bản ủy quyền ngày 03/01/2019).

- *Bị đơn:* **Bà Nguyễn Thị T**, sinh năm 1976 (vắng mặt);

Địa chỉ: Ấp Kiên Bình, xã Sơn K, huyện Hòn Đ, tỉnh Kiên G.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* **Ông Thái Thanh H** (chồng bà T, vắng mặt);

Địa chỉ: Ấp Kiên Bình, xã Sơn K, huyện Hòn Đ, tỉnh Kiên G.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 11 tháng 3 năm 2019 và trong quá trình xét xử, đại diện hợp pháp của nguyên đơn trình bày: Vào năm 2017, Công ty Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên Chế biến nông sản Duy A (sau đây gọi tắt là công ty Duy A) ký hợp đồng bao tiêu lúa tươi với bà Nguyễn Thị T, bà Đặng Thị D và ông Nguyễn Văn B, cụ thể như sau:

- Ngày 14/10/2017, công ty Duy A ký hợp đồng bao tiêu lúa tươi với bà Nguyễn Thị T, nội dung bà T đồng ý bán cho công ty Duy A số lượng lúa trên diện tích 200 công Đ (tương đương 20 hecta), loại lúa Nhật ĐS1, đơn giá 5.800 đồng/kg. Để đảm bảo thực hiện hợp đồng, công ty đã đặt cọc cho bà T số tiền 100.000.000 đồng (một trăm triệu đồng).

- Ngày 26/10/2017, công ty Duy A ký hợp đồng bao tiêu lúa tươi với bà Đặng Thị Dung, sinh năm 1974, địa chỉ ở ấp Kiên Bình, xã Sơn Kiên, huyện Hòn Đ, tỉnh Kiên G, nội dung bà Dung đồng ý bán cho công ty Duy A số lượng lúa trên diện tích 100 công Đ (tương đương 10 hecta), loại lúa Nhật ĐS1, đơn giá 5.800 đồng/kg. Để đảm bảo thực hiện hợp đồng, công ty đã đặt cọc cho bà Dung số tiền 50.000.000 đồng (năm mươi triệu đồng).

- Ngày 01/11/2017, công ty Duy A ký hợp đồng bao tiêu lúa tươi với ông Nguyễn Văn Ba, sinh năm 1959, địa chỉ ở ấp Kiên Bình, xã Sơn K, huyện Hòn Đ, tỉnh Kiên G, nội dung ông Ba đồng ý bán cho công ty Duy A số lượng lúa trên diện tích 100 công Đ (tương đương 10 hecta), loại lúa Nhật ĐS1, đơn giá 5.800 đồng/kg. Để đảm bảo thực hiện hợp đồng, công ty đã đặt cọc cho bà Dung số tiền 50.000.000 đồng (năm mươi triệu đồng).

Sau khi ký các hợp đồng trên thì bà T là người trực tiếp đứng ra nhận tiền cọc của 03 hợp đồng ký kết với công ty Duy A là 200.000.000 đồng (hai trăm triệu đồng). Căn cứ vào hợp đồng và thỏa thuận giữa công ty Duy A và bà T thì đến khi thu hoạch lúa, bà T phải bán hết số lúa thu hoạch được trên diện tích Đ trồng lúa 400 hecta cho công ty Duy A, nếu bà T không có lúa bán thì phải bồi thường cho công ty gấp đôi số tiền cọc đã nhận là 400.000.000 đồng (bốn trăm triệu đồng). Tuy nhiên đến mùa thu hoạch lúa, lấy lý do mùa màng thất bát nên bà T không có lúa giao cho công ty và hẹn lại vào mùa sau.

Ngày 23/5/2018, bà T làm giấy nhận nợ thừa nhận có nhận tiền cọc của 03 hợp đồng bao tiêu lúa đã ký kết với công ty Duy A là 200.000 đồng (hai trăm triệu đồng) và cam kết đến ngày 26/5/2018 bà sẽ trả lại toàn bộ số tiền cọc đã nhận cho công ty và đóng tiền lãi từ ngày 14/01/2017 đến ngày 23/5/2018 theo lãi suất của Ngân hàng, nhưng đến ngày trả nợ, bà T tiếp tục lấy lý do không có tiền trả và xin ký tiếp hợp đồng bao tiêu lúa để mùa sau sẽ trả lúa cho công ty Duy A.

Ngày 20/6/2018, công ty Duy A tiếp tục ký hợp đồng bao tiêu lúa với bà T, nội dung hợp đồng bà T đồng ý bán cho công ty Duy A số lượng lúa trên diện tích 400 công Đ (tương đương 40 hecta), loại lúa Nhật ĐS1, đơn giá 5.800 đồng/kg, số lượng giao từ 600kg đến 800 kg lúa, thời gian thu mua lúa dao động từ 115 ngày

đến 125 ngày kể từ ngày xuống giống 01/4/2018 âm lịch (ngày 15/5/2018 dương lịch), tức trong khoảng thời gian từ ngày 07/9/2018 đến ngày 17/9/2018 thì bà T phải giao lúa cho công ty Duy A. Tuy nhiên đến nay bà T vẫn không thực hiện nghĩa vụ của mình, không giao lúa và không trả lại tiền cọc cho công ty nên công ty Duy A khởi kiện yêu cầu bà T phải trả lại cho công ty số tiền cọc 200.000.000 đồng, tiền bồi thường 200.000.000 đồng, tổng cộng là 400.000.000 đồng (bốn trăm triệu đồng) và lãi suất theo quy định tính từ ngày nộp đơn khởi kiện cho đến khi Tòa án xét xử sơ thẩm.

Ngày 11/3/2019, công ty Duy A làm đơn khởi kiện bổ sung đối với ông Thái Thanh Hồng là chồng bà T, yêu cầu ông Hồng phải chịu trách nhiệm liên đới cùng với bà T trả cho công ty Duy A số tiền 400.000.000 đồng (bốn trăm triệu đồng) và lãi suất theo quy định tính từ ngày nộp đơn khởi kiện cho đến khi Tòa án xét xử sơ thẩm.

Ngày 07/5/2019, công ty Duy A xin rút đơn khởi kiện bổ sung đối với ông Thái Thanh Hồng và giữ nguyên yêu cầu khởi kiện đối với bà T.

Bị đơn bà Nguyễn Thị T trình bày:

Bà thừa nhận vào năm 2017, bà, bà Đặng Thị D và ông Nguyễn Văn B có ký kết các hợp đồng bao tiêu lúa tươi với công ty Duy A như đại diện hợp pháp của công ty Duy A trình bày. Bà là người trực tiếp nhận tiền cọc 200.000.000 đồng của cả ba hợp đồng ký kết ngày 14/10/2017, ngày 26/10/2017 và ngày 01/11/2017, mà không giao lại tiền cọc cho bà D, ông B (mỗi người là 50.000.000 đồng). Đến ngày 20/6/2018, bà ký kết hợp đồng với công ty Duy A, nội dung bà đồng ý bán số lượng lúa tươi trên diện tích 400 công Đ (tầm cắt), đơn giá 5.800 đồng/kg cho công ty Duy A. Tuy nhiên, đến mùa thu hoạch bà không có lúa giao cho công ty như đã cam kết.

Nay công ty khởi kiện bà yêu cầu trả tiền cọc, tiền bồi thường hợp đồng, tổng cộng là 400.000.000 đồng và tiền lãi theo quy định của pháp luật, bà cho rằng do kinh tế đang gặp khó khăn nên bà xin trả dần số tiền 400.000.000 đồng, vào tháng 8/2019 bà trả trước 200.000.000 đồng, còn xin công ty miễn trả tiền lãi.

Đối với yêu cầu của công ty buộc ông Thái Thanh H phải chịu trách nhiệm liên đới cùng trả nợ với bà thì bà không đồng ý, vì bà cho rằng tuy bà và ông Hồng là vợ chồng hợp pháp nhưng việc bà ký kết hợp đồng bao tiêu lúa và nhận tiền cọc của công ty Duy A ông Hồng không hay biết, do đó bà sẽ tự chịu trách nhiệm trả nợ cho công ty.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Thái Thanh H mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng ông không có mặt và không có lời khai tại Tòa.

Tại phiên tòa, đại diện hợp pháp của nguyên đơn công ty Duy A xin rút một phần yêu cầu khởi kiện không yêu cầu bà Nguyễn Thị T phải trả tiền lãi theo quy định của pháp luật đối với số tiền 400.000.000 đồng tính từ ngày nộp đơn khởi kiện cho đến khi Tòa án xét xử sơ thẩm.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Hòn Đ phát biểu quan điểm:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa kể từ khi thụ lý vụ án đến đến khi xét xử vụ án đã tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Tại phiên tòa sơ thẩm, Hội đồng xét xử chấp hành đầy đủ và đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự, các đương sự thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ của mình.

- Về nội dung, đề nghị Hội đồng xét xử:

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của công ty Duy A về việc buộc bà Nguyễn Thị T phải trả cho công ty số tiền cọc đã nhận là 200.000.000 đồng và khoản tiền bồi thường là 200.000.000 đồng, tổng cộng là 400.000.000 đồng (bốn trăm triệu đồng).

Đình chỉ xét xử một phần yêu cầu khởi kiện của công ty Duy A về việc buộc bà T phải trả tiền lãi đối với số tiền 400.000.000 đồng tính từ ngày nộp đơn khởi kiện cho đến khi Tòa án xét xử sơ thẩm.

Về án phí: Bà T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Theo đơn khởi kiện của Công ty Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên Chế biến nông sản Duy A và trình bày của người đại diện hợp pháp của công ty trong quá trình giải quyết vụ án thì công ty yêu cầu bà Nguyễn Thị T trả lại số tiền cọc 200.000.000 đồng để bảo đảm thực hiện hợp đồng mua bán lúa tươi, đồng thời phải bồi thường (phạt cọc) số tiền 200.000.000 đồng, do đó Tòa án xác định quan hệ pháp luật là tranh chấp hợp đồng đặt cọc theo quy định tại Điều 328 Bộ luật Dân sự và khoản 3, Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về thủ tục tố tụng:

Trong quá trình thụ lý và giải quyết vụ án, công ty Duy A không có yêu cầu gì đối với bà Đặng Thị D và ông Nguyễn Văn B, đồng thời bà Nguyễn Thị T cũng cho rằng mặc dù bà D, ông B có tham gia ký kết hợp đồng bao tiêu lúa với công ty Duy A ngày 26/10/2017 và ngày 01/11/2017, nhưng thực tế người nhận tiền cọc để bảo đảm thực hiện hợp đồng là bà, sau đó giữa bà và công ty đã thỏa thuận ký kết hợp đồng bao tiêu lúa ngày 20/6/2018 thay thế cho các hợp đồng nêu trên và bà thừa nhận nhận tiền cọc của công ty là 200.000.000 đồng, bà không đưa lại tiền cọc cho bà D, ông B, do đó Tòa án không đưa bà D, ông B tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án là phù hợp.

Tòa án đã tống đạt hợp lệ Quyết định đưa vụ án ra xét xử và Quyết định hoãn phiên tòa cho người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Thái Thanh H nhưng tại phiên tòa, ông H vắng mặt không có lý do, do đó Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt ông H theo quy định tại Điều 227 và Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn công ty Duy A, Hội đồng xét xử xét thấy, tại đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án, công ty Duy A cho rằng vào các ngày 14/10/2017, ngày 26/10/2017 và ngày 01/11/2017, công ty có ký kết hợp đồng bao tiêu lúa tươi (hợp đồng mua bán lúa) với bà Nguyễn Thị T,

bà Đặng Thị D và ông Nguyễn Văn B, tuy nhiên đến ngày hẹn, bà T, bà D, ông B không có lúa giao nên giữa công ty và bà Nguyễn Thị T đã thỏa thuận ký kết hợp đồng bao tiêu lúa ngày 20/6/2018 thay thế cho các hợp đồng nêu trên. Theo tờ nhận nợ ngày 23/5/2018 và thỏa thuận trong hợp đồng ký ngày 20/6/2018 thì bà T đã nhận số tiền cọc của công ty là 200.000.000 đồng và cam kết đến vụ lúa sẽ bán cho công ty Duy A số lượng lúa canh tác trên diện tích 400 công Đ (tương đương 40 hecta), loại lúa Nhật ĐS1, đơn giá 5.800 đồng/kg, số lượng giao từ 600kg đến 800 kg lúa và số tiền cọc bà T đã nhận sẽ được trừ dần vào tiền mua lúa. Xét thấy thỏa thuận đặt cọc để bảo đảm thực hiện hợp đồng mua bán lúa giữa công ty Duy A và bà Nguyễn Thị T là sự giao kết hoàn toàn tự nguyện, không trái đạo đức và quy định của pháp luật, xét nên công nhận giao dịch đặt cọc là hợp pháp, phù hợp với quy định tại Điều 328 Bộ luật Dân sự. Tuy nhiên, đến thời gian thu mua lúa từ ngày 07/9/2018 đến ngày 17/9/2018, bà T đã vi phạm nghĩa vụ không giao lúa cho công ty Duy A như đã cam kết trong hợp đồng ký ngày 20/6/2018, do đó công Duy A khởi kiện yêu cầu bà T phải trả số tiền cọc 200.000.000 đồng và bồi thường khoản tiền 200.000.000 đồng tương đương giá trị tài sản đặt cọc, tổng cộng là 400.000.000 đồng (bốn trăm triệu đồng) là có cơ sở chấp nhận theo quy định tại khoản 2, Điều 328 Bộ luật Dân sự.

[4] Ngày 07/5/2019 và tại phiên tòa, đại diện hợp pháp của nguyên đơn không yêu cầu ông Thái Thanh H, chồng bà T phải chịu trách nhiệm liên đới cùng trả nợ với bà T, đồng thời bà T cũng cho rằng việc ký kết hợp đồng bao tiêu lúa với công ty Duy A ông H không hay biết và khoản tiền cọc 200.000.000 đồng bà cũng không sử dụng để chi tiêu trong gia đình, do đó xét nên chấp nhận yêu cầu của công ty Duy A và bà T không buộc ông H phải có trách nhiệm liên đới trả cho công ty Duy A số tiền 400.000.000 đồng.

[5] Về yêu cầu xin trả dần số tiền 400.000.000 đồng của bà T không được công ty Duy A chấp nhận và không thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nên Hội đồng xét xử không có cơ sở chấp nhận yêu cầu của bà.

[6] Tại phiên tòa, đại diện hợp pháp của nguyên đơn công ty Duy A xin rút một phần yêu cầu khởi kiện không yêu cầu bà T phải trả tiền lãi theo quy định của pháp luật đối với số tiền 400.000.000 đồng, xét thấy việc rút một phần yêu cầu khởi kiện của công ty Duy A là tự nguyện nên căn cứ theo quy định tại khoản 2, Điều 244 Bộ luật Tố tụng dân sự, xét nên đình chỉ xét xử đối với yêu cầu của công ty Duy A về việc buộc bà T phải trả tiền lãi đối với số tiền 400.000.000 đồng tính từ ngày nộp đơn khởi kiện cho đến khi Tòa án xét xử sơ thẩm.

[7] Về ý kiến của đại diện Viện Kiểm sát phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên có cơ sở chấp nhận.

[8] Về án phí, do yêu cầu của công ty Duy A được chấp nhận nên bà T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại khoản 1, Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và khoản 2, Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các điều 328, 357 và 468 Bộ luật Dân sự; khoản 1, Điều 147, khoản 2, Điều 244 Bộ luật Tố tụng dân sự và khoản 2, Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy Ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Công ty Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên Chế biến nông sản Duy A về việc buộc bà Nguyễn Thị T phải trả lại cho công ty số tiền cọc đã nhận là 200.000.000 đồng và khoản tiền bồi thường là 200.000.000 đồng, tổng cộng là 400.000.000 đồng (bốn trăm triệu đồng).

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất các bên thỏa thuận nhưng phải phù hợp với quy định của pháp luật; nếu không có thỏa thuận về mức lãi suất thì quyết định theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

2. Đình chỉ xét xử một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Công ty Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên Chế biến nông sản Duy A về việc buộc bà Nguyễn Thị T phải trả tiền lãi đối với số tiền 400.000.000 đồng tính từ ngày nộp đơn khởi kiện cho đến khi Tòa án xét xử sơ thẩm.

3. Về án phí: Bà Nguyễn Thị T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 20.000.000 đồng (hai mươi triệu đồng).

Hoàn trả tiền tạm ứng án phí cho Công ty Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên Chế biến nông sản Duy A số tiền 10.000.000 triệu đồng (mười triệu đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí số 0000737 ngày 20/02/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hòn Đ, tỉnh Kiên G.

4. Trường hợp bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

5. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, riêng bị đơn bà Nguyễn Thị T và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Thái Thanh Hồng vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- VKSND tỉnh Kiên G;
- VKSND huyện Hòn Đ;
- CCTHADS huyện Hòn Đ;
- Phòng KTNV và Thi hành án TA tỉnh;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Tuyết Mai

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ **THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Vũ Thị Lan **Nguyễn Văn Đoạt** **Nguyễn Thị Tuyết Mai**